

Bản án số: **12/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Sử Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2023 và Quyết định hoàn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1994 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp HT, xã VBN, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D V VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/01/2023, biên bản hòa giải ngày 21/02/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Đặng Thị D** trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ

chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, ông L không chí thú làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ, không quan tâm chăm sóc vợ và con. Nhiều lần vợ chồng cãi nhau ông L có đánh bà bằng tay, có lần ông L còn cầm dao đe dọa sẽ cắt cổ bà vì ghen tuông nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, đã thật sự ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/5/2012; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/10/2018.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn ông Nguyễn Văn L;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Trước đây khi gửi đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/10/2018; giao Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/5/2012 cho ông L trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

Nhưng nay bà thay đổi yêu cầu, cụ thể: Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Hiện bà đang làm công nhân may thu nhập trung bình mỗi tháng 7 triệu đồng.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 08/02/2023, biên bản hòa giải ngày 21/02/2023 và trong quá trình xét xử bị đơn ông **Nguyễn Văn L** trình bày:*

Về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con, tài sản và nợ là hoàn toàn đúng như bà Đặng Thị D trình bày trên, ông không trình bày gì thêm.

Nay theo yêu cầu của bà D, ông có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với bà Đặng Thị D, vì lý do còn thương vợ;

Nếu Tòa án giải quyết cho bà D ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý giao 03 con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/5/2012; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/10/2018 cho bà D trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con;

Ông biết được bà D đang làm công nhân may có thu nhập, nhưng không xác định được bao nhiêu.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Đặng Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên tòa xét xử lần thứ nhất.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề như sau, về quan hệ hôn nhân: cho bà Đặng Thị D ly hôn với ông Nguyễn Văn L; về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà D và ông L, giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/5/2012; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/10/2018 cho bà D trực tiếp nuôi, ông L không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn; về

quan hệ tài sản chung và về nợ chung: không có tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn L tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VBN cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D thấy rằng: Giữa bà D và ông L thống nhất mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, ông L không chí thú làm ăn, thường ăn nhậu, ghen tuông vô cớ, không quan tâm chăm sóc bà D và các con, có lần cãi nhau ông L có đánh bà D bằng tay, thậm chí có lần ông L còn cầm dao đe dọa sẽ cắt cổ bà D, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, đã thật sự ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn cương quyết ly hôn với ông L, mặc dù quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn và thời gian ly thân của vợ chồng của bà D và ông L là có thật, phù hợp với lời trình bày thừa nhận của các đương sự nêu trên (bút lục số 33).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy ông L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Tại phiên hòa giải, hai bên đương sự thống nhất xác định và tự thỏa thuận, vợ chồng có 03 đứa con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/5/2012; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/10/2018. Sau khi ly hôn giao 03 con chung cho bà D trực tiếp nuôi và cháu Chí K, Ngọc N cũng đã có ý kiến bằng văn bản được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đến tại phiên tòa hôm nay, tuy ông L vắng mặt nhưng cũng không thể hiện ý kiến gì thay đổi sự thỏa thuận đó. Thấy rằng,

đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

Việc bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện. Tuy ông L không xác định được mức thu nhập hàng tháng của bà D, nhưng vẫn thừa nhận bà D có nghề nghiệp và có thu nhập. Vì vậy, xác định được bà D có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, ông L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

[3] Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự đã thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà D phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị D ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn L, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/5/2012; Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/10/2018 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Chí K, Ngọc N*), ông L không cấp dưỡng nuôi con cùng bà D sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002693 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/3/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VBN;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh